

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hợp Thành, ngày 26 tháng 04 năm 2024*

**ĐIỀU LỆ**

**HỢP TÁC XÃ TIẾN ĐẠT**

Căn cứ vào luật HTX số 23/2012/QH 13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2012/NĐ-CP, ngày 21 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật HTX năm 2012 và các văn bản có liên quan.

Hợp tác xã Tiến Đạt xây dựng điều lệ hợp tác xã như sau:

**Chương I**

**TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ, NGÀNH, NGHỀ  
SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

**Điều 1. Tên, biểu tượng của Hợp tác xã Tiến Đạt**

1. Tên Hợp tác xã.

a) Tên gọi đầy đủ : Hợp tác xã Tiến Đạt

b) Tên gọi tắt: HTX Tiến Đạt

**Điều 2. Địa chỉ trụ sở của Hợp tác xã Tiến Đạt**

1. Địa chỉ trụ sở chính của Hợp Hợp tác xã Tiến Đạt:

Số 120 thôn Pò Tang, xã Hợp Thành, Huyện Cao Lộ , tỉnh Lạng Sơn.

Số điện thoại: 0982.102.858

**Điều 3. Mục tiêu hoạt động**

1. Mục tiêu hoạt động

Hợp tác xã chăm lo phát triển bền vững cộng đồng thành viên, vì lợi ích của các thành viên và hợp tác với nhau nhằm phát triển phong trào hợp tác xã ở địa phương.

Hợp tác xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật.

Hợp tác xã có quyền cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm cho thành viên và cho khách hàng không phải thành viên nhưng phải bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ đối với thành viên.

#### Điều 4. Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng nhà để ở	4101
2	Xây dựng nhà không để ở	4102
3	Xây dựng công trình đường bộ	4212
4	Xây dựng công trình điện	4221
5	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
6	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
7	Xây dựng công trình công ích khác	4229
8	Xây dựng công trình thủy	4291
9	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
10	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
12	Phá dỡ	4311
13	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
16	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
18	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
19	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
20	Khai thác gỗ	0220
21	Chung, tinh cát và pha chế các loại rượu mạnh	1101
22	Trồng cây ăn quả	0121
23	Chăn nuôi trâu, bò	0141
24	Chăn nuôi lợn	0145
25	Chăn nuôi gia cầm	0146
26	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
27	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
28	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
29	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
30	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
31	Bốc xếp hàng hóa	5224
32	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.	8299
----	--	------

## Chương II THÀNH VIÊN

### **Điều 5. Đối tượng thành viên Hợp tác xã Tiên Đạt**

1. Cá nhân.
2. Hộ gia đình.
3. Pháp nhân.

### **Điều 6. Điều kiện trở thành thành viên Hợp tác xã Tiên Đạt**

1. Đối với cá nhân.

- 1.1. Đối với cá nhân Việt Nam.

a) Là công dân Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

b) Có nhu cầu hợp tác với các thành viên và nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã;

c) Có đơn tự nguyện xin gia nhập Hợp tác xã, tán thành Điều lệ, Nội quy, Quy chế của Hợp tác xã.

d) Góp vốn theo quy định tại Điều 21 bản Điều lệ này.

e) Cá nhân không có đủ các điều kiện theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, cá nhân đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cá nhân đang phải chấp hành hình phạt tù, cá nhân bị toà án tước quyền hành nghề do phạm các tội theo quy định của pháp luật và cá nhân đang trong thời gian chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh không được là thành viên Hợp tác xã.

- 1.2. Đối với cá nhân là người nước ngoài.

Ngoài việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều này, cá nhân là người nước ngoài tham gia vào hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam đối với lao động là người nước ngoài.

2. Đối với hộ gia đình.

a) Là hộ gia đình mà các thành viên trong hộ có cùng tài sản chung để hoạt động kinh tế như: diện tích đất đang sử dụng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp; những tài sản cố định khác phục vụ sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình.

b) Hộ gia đình phải cử người đại diện bằng giấy uỷ quyền. Người đại diện của hộ phải có đủ các điều kiện như đối với cá nhân quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 điều này và theo quy định của điều lệ Hợp tác xã. Khi muốn thay đổi

người đại diện, hộ gia đình phải có đơn đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

c) Hộ gia đình không có đủ các điều kiện theo quy định tại điểm a, b khoản 2 điều này không được là thành viên Hợp tác xã.

3. Đối với pháp nhân.

a) Là tổ chức theo quy định của Bộ luật Dân sự và theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.

b) Có đơn tự nguyện xin gia nhập Hợp tác xã như quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Người đứng tên trong đơn phải là đại diện theo pháp luật của pháp nhân và tham gia vào hoạt động của Hợp tác xã, thực hiện các nghĩa vụ của một thành viên theo quy định tại Điều 8 bản Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có thể quý quyền cho cá nhân khác là người trong bộ máy lãnh đạo của pháp nhân làm đại diện tham gia Hợp tác xã nếu Điều lệ Hợp tác xã không quy định khác.

c) Góp vốn theo quy định tại Điều 21 bản Điều lệ này.

d) Pháp nhân không có đủ các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này không được là thành viên Hợp tác xã.

4. Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân là thành viên Hợp tác xã Tiến Đạt có thể là thành viên Hợp tác xã khác.

5. Thành viên là cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân Hợp tác xã khác có thể là thành viên Hợp tác xã Tiến Đạt nếu thực hiện đầy đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

### **Điều 7. Quyền của thành viên**

1. Được ưu tiên làm việc cho Hợp tác xã và được trả công lao động theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.

2. Phân phối thu nhập theo vốn góp, công sức đóng góp và theo mức độ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã.

3. Được Hợp tác xã cung cấp các thông tin kinh tế - kỹ thuật cần thiết, được Hợp tác xã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ.

4. Hưởng các phúc lợi của Hợp tác xã; được Hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ theo hợp đồng dịch vụ.

5. Được khen thưởng khi có nhiều đóng góp trong việc xây dựng và phát triển Hợp tác xã.

6. Dự Đại hội thành viên hoặc bầu đại biểu đi dự Đại hội thành viên, dự các hội nghị thành viên để bàn bạc và biểu quyết công việc của Hợp tác xã.

7. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kiểm soát viên và những chức danh được bầu khác của Hợp tác xã.

8. Kiến nghị, yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (tổng giám đốc) Hợp tác xã, Ban kiểm soát, kiểm soát viên giải trình về hoạt động của Hợp tác xã; yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kiểm soát viên triệu tập đại hội thành viên bất thường.

9. Chuyển vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định tại Điều 9, Điều 10 bản Điều lệ này.

10. Ra khỏi Hợp tác xã.

11. Được trả lại vốn góp và các quyền lợi khác theo quy định của Điều lệ hợp tác xã và pháp luật có liên quan. Trong các trường hợp sau đây:

a) Ra khỏi Hợp tác xã.

b) Thành viên là cá nhân chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Thành viên là hộ gia đình không có người đại diện đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.

d) Thành viên là pháp nhân bị giải thể, phá sản hoặc không có người đại diện đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.

Trong các điều kiện quy định tại các điểm b, c, d khoản 11 điều này, vốn góp và các quyền lợi khác của thành viên được trả lại cho người có đủ điều kiện thừa kế hoặc giám hộ đối với các thành viên này theo quy định của pháp luật.

12. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Nghĩa vụ của thành viên**

1. Chấp hành Điều lệ, Nội quy của Hợp tác xã, các Nghị quyết của Đại hội thành viên.

2. Góp vốn theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã, mức góp vốn một thành viên không vượt quá 20% (Hai mươi phần trăm) vốn Điều lệ của Hợp tác xã.

3. Đoàn kết hợp tác giữa các xã viên, học tập nâng cao trình độ, góp phần thúc đẩy Hợp tác xã phát triển.

4. Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã theo hợp đồng dịch vụ.

5. Trong phạm vi vốn góp của mình, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ, rủi ro, thiệt hại, các khoản lỗ của Hợp tác xã.

6. Bồi thường thiệt hại do mình gây ra theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.

### **Điều 9. Điều kiện chuyển quyền và nghĩa vụ của thành viên**

1. Trường hợp thành viên chuyển vốn góp, quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho thành viên khác của Hợp tác xã thì tổng số vốn góp của thành viên sau khi nhận chuyển nhượng không vượt quá 20% vốn điều lệ của Hợp tác xã.

2. Trường hợp thành viên chuyển vốn góp cho người khác không phải thành viên Hợp tác xã nhưng có đủ điều kiện, tự nguyện ra nhập Hợp tác xã và được Hợp tác xã xem xét kết nạp vào Hợp tác xã.

### **Điều 10. Thủ tục chuyển quyền và nghĩa vụ của thành viên**

1. Thành viên làm đơn xin chuyển quyền và nghĩa vụ của mình cho người khác, gửi Hội đồng quản trị Hợp tác xã.

2. Hội đồng quản trị xem xét đơn của thành viên, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn phải trả lời việc chấp nhận, hay không chấp nhận việc thành viên xin chuyển quyền và nghĩa vụ của mình cho người khác. Thời điểm chuyển quyền và nghĩa vụ được tính từ ngày Hội đồng quản trị ra quyết định. Thời

hạn chuyển quyền và nghĩa vụ của thành viên là 01 tháng. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo và thông qua việc chuyển quyền tại Đại hội thành viên gần nhất.

### **Điều 11. Thành viên xin ra khỏi Hợp tác xã**

1. Điều kiện thành viên xin ra khỏi Hợp tác xã :
  - a) Thành viên chuyển nơi cư trú.
  - b) Thành viên tham gia các tổ chức kinh tế khác.
  - c) Các trường hợp khác xin ra khỏi Hợp tác xã.
2. Thời hạn xem xét giải quyết đơn xin ra khỏi Hợp tác xã của thành viên là 30 ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận được đơn của thành viên.
3. Thủ tục thành viên xin khỏi ra Hợp tác xã.
  - a) Thành viên làm đơn xin ra khỏi Hợp tác xã gửi Hội đồng quản trị, trong đó nêu lý do xin ra khỏi Hợp tác xã.
  - b) Thành viên xin ra khỏi Hợp tác xã phải hoàn thành các nghĩa vụ đối với Hợp tác xã trước khi ra khỏi Hợp tác xã.
  - c) Hội đồng quản trị Hợp tác xã xem xét, lập hồ sơ, chủ động giải quyết việc tự nguyện xin ra khỏi Hợp tác xã của thành viên và báo cáo kết quả giải quyết tại Đại hội thành viên gần nhất.

### **Điều 12. Điều kiện chấm dứt tư cách thành viên**

1. Tư cách thành viên chấm dứt trong các trường hợp sau đây :
  - a) Thành viên là cá nhân chết, bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị kết án phạt tù theo quy định của pháp luật.
  - b) Thành viên là hộ gia đình không có người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật; thành viên là pháp nhân bị giải thể, phá sản.
  - c) Hợp tác xã bị giải thể, phá sản.
  - d) Thành viên tự nguyện ra khỏi hợp tác xã.
  - đ) Thành viên bị khai trừ.
  - e) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã trong thời gian liên tục theo quy định của điều lệ quá 03 năm. Thành viên không làm việc trong thời gian liên tục theo quy định của điều lệ quá 02 năm.
  - g) Tại thời điểm cam kết góp đủ vốn, thành viên không góp vốn hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu quy định trong điều lệ.
2. Thẩm quyền quyết định chấm dứt tư cách thành viên được thực hiện như sau:
  - a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị quyết định và báo cáo Đại hội thành viên gần nhất.
  - b) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ, g và h khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị trình Đại hội thành viên quyết định sau khi có ý kiến của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

3. Thành viên đã chuyển hết vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định tại Điều 9, Điều 10 bản Điều lệ này.

4. Việc giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ đối với thành viên trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 7, khoản 1 Điều 22 bản Điều lệ này.

### **Điều 13. Nguyên tắc và đối tượng đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc**

1. Việc đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với Hợp tác xã được quy định như sau :

a) Hợp tác xã căn cứ vào điều kiện sản xuất, kinh doanh phải xây dựng và thông qua Đại hội thành viên ban hành mức tiền công, tiền lương để trả cho thành viên, người lao động làm việc thường xuyên cho Hợp tác xã. Mức tiền công, tiền lương này phải đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước về phòng lao động huyện nơi đặt trụ sở chính của Hợp tác xã và công bố công khai trong Hợp tác xã.

b) Thành viên và người lao động làm việc thường xuyên cho Hợp tác xã, có hưởng tiền công, tiền lương của Hợp tác xã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Bộ Luật Lao động.

2. Thành viên, người lao động không thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của Bộ Luật Lao động.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ**

#### **Điều 14. Đại hội thành viên**

1. Hình thức Đại hội thành viên.

Đại hội thành viên có quyền quyết định cao nhất của hợp tác xã. Đại hội thành viên gồm Đại hội thành viên thường niên và Đại hội thành viên bất thường. Đại hội thành viên dưới hình thức đại hội toàn thể thành viên.

2. Thủ tục tiến hành Đại hội thành viên.

2.1. Đại hội thành viên thường niên phải được họp trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính do Hội đồng quản trị triệu tập. Đại hội thành viên bất thường do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên hoặc thành viên đại diện của ít nhất một phần ba tổng số thành viên triệu tập.

2.2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong những trường hợp sau đây:

- a) Giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Hội đồng quản trị không tổ chức được cuộc họp định kỳ sau hai lần triệu tập;
- c) Theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;
- d) Theo đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số thành viên.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên hoặc đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số thành viên, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội thành viên bất thường.

2.3. Trường hợp quá thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên hoặc đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số thành viên, mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên bất thường hoặc quá 03 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thường niên thì Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên có quyền triệu tập Đại hội thành viên.

2.4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên có quyền triệu tập mà không triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định tại khoản 2.2, khoản 2.3 Điều này thì thành viên đại diện cho ít nhất một phần ba tổng số thành viên có quyền triệu tập Đại hội thành viên.

2.5. Đại hội thành viên do người triệu tập chủ trì, trừ trường hợp đại hội thành viên quyết định bầu thành viên khác chủ trì.

2.6. Đại hội thành viên được tiến hành khi có ít nhất 75% tổng số thành viên; trường hợp không đủ số lượng thành viên thì phải hoãn Đại hội thành viên.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội thành viên lần thứ hai được tiến hành khi có ít nhất 50% tổng số thành viên hoặc tham dự.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội thành viên được tiến hành không phụ thuộc vào số thành viên tham dự.

5. Biểu quyết trong Đại hội thành viên.

5.1. Các nội dung sau đây được Đại hội thành viên thông qua khi có ít nhất 75% tổng số đại biểu có mặt biểu quyết tán thành:

a) Sửa đổi, bổ sung điều lệ.

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản hợp tác xã.

c) Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của hợp tác xã.

5.2. Các nội dung không thuộc quy định tại khoản 5.1 Điều này được thông qua khi có trên 50% tổng số đại biểu biểu quyết tán thành.

5.3. Mỗi thành viên tham dự đại hội thành viên có một phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau, không phụ thuộc vào số vốn góp hay chức vụ của thành viên.

6. Nội dung của Đại hội thành viên.

Đại hội thành viên thảo luận và quyết định những nội dung sau:

6.1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động trong năm; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

6.2. Phê duyệt báo cáo tài chính, kết quả kiểm toán nội bộ.

6.3. Phương án phân phối thu nhập và xử lý khoản lỗ, khoản nợ; lập, tỷ lệ trích các quỹ; phương án tiền lương và các khoản thu nhập cho người lao động.



- 6.4. Phương án sản xuất, kinh doanh.
- 6.5. Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- 6.6. Góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, liên doanh, liên kết; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; tham gia liên hiệp hợp tác xã, tổ chức đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 6.7. Tặng, giảm vốn điều lệ, vốn góp tối thiểu; thẩm quyền quyết định và phương thức huy động vốn.
- 6.8. Xác định giá trị tài sản và tài sản không chia.
- 6.9. Cơ cấu tổ chức của hợp tác xã.
- 6.10. Việc thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là Giám đốc hoặc thuê Giám đốc.
- 6.11. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; tặng, giảm số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- 6.12. Chuyển nhượng, thanh lý, xử lý tài sản cố định.
- 6.13. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản hợp tác xã.
- 6.14. Sửa đổi, bổ sung điều lệ.
- 6.15. Mức thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; tiền công, tiền lương và tiền thưởng của Giám đốc, phó Giám đốc và các chức danh quản lý khác.
- 6.16. Chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 12 bản Điều lệ này.
- 6.17. Những nội dung khác do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên đề nghị.

#### **Điều 15. Hội đồng quản trị Hợp tác xã**

15.1. Hội đồng quản trị hợp tác xã là cơ quan quản lý Hợp tác xã do Đại hội thành viên bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Hội đồng quản trị gồm chủ tịch và thành viên, số lượng thành viên hội đồng quản trị 03 người.

15.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị hợp tác xã 05 năm.

15.3. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Hợp tác xã để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 bản Điều lệ này.

15.4. Hội đồng quản trị Hợp tác xã họp định kỳ 03 tháng một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập.

Hội đồng quản trị họp bất thường khi có yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Giám đốc Hợp tác xã.

15.5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được

thông qua theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau.

b) Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị theo định kỳ nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị lần hai trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần đầu. Sau hai lần triệu tập họp mà không đủ số thành viên tham dự, Hội đồng quản trị triệu tập đại hội thành viên bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần hai để xem xét tư cách của thành viên Hội đồng quản trị không tham dự họp và có biện pháp xử lý.

c) Nội dung và kết luận của cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản; biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký phiên họp. Chủ tọa và thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Đối với nội dung mà Hội đồng quản trị không quyết định được thì trình đại hội thành viên quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến và được ghi vào biên bản cuộc họp.

#### 15.6. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

a) Thành viên Hội đồng quản trị là thành viên hợp tác xã, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực quản lý Hợp tác xã.

b) Không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Hợp tác xã và không phải là cha, mẹ đẻ; cha, mẹ nuôi; vợ, chồng; con, con nuôi; anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

#### 15.7. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Hợp tác xã.

a) Quyết định tổ chức các bộ phận giúp việc, đơn vị trực thuộc của Hợp tác xã, theo quy định của Điều lệ.

b) Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội thành viên và đánh giá kết quả hoạt động của Hợp tác xã.

c) Chuẩn bị và trình đại hội thành viên sửa đổi, bổ sung điều lệ, báo cáo kết quả hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh và phương án phân phối thu nhập của hợp tác xã; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và triệu tập Đại hội thành viên.

d) Trình Đại hội thành viên xem xét, thông qua báo cáo tài chính; việc quản lý, sử dụng các quỹ của Hợp tác xã.

đ) Trình Đại hội thành viên phương án về mức thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; mức tiền công, tiền lương và tiền thưởng của Giám đốc, Phó giám đốc.

e) Chuyển nhượng, thanh lý, xử lý tài sản lưu động của hợp tác xã theo thẩm quyền do Đại hội thành viên giao.

f) Kết nạp thành viên mới, giải quyết việc chấm dứt tư cách thành viên được quy định đối với trường hợp quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 12 bản Điều lệ này và báo cáo Đại hội thành viên.

g) Đánh giá hiệu quả hoạt động của Giám đốc, Phó Giám đốc.

h) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê Giám đốc theo Nghị quyết của Đại hội thành viên.

i) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê Phó Giám đốc, kế toán và các chức danh khác theo đề nghị của Giám đốc.

k) Khen thưởng, kỷ luật thành viên; khen thưởng các cá nhân, tổ chức không phải là thành viên nhưng có công xây dựng, phát triển hợp tác xã.

l) Thông báo tới các thành viên Nghị quyết, Quyết định của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị.

m) Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

n) Thực hiện quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ, Nghị quyết của Đại hội thành viên và chịu trách nhiệm về Quyết định của mình trước Đại hội thành viên và trước pháp luật.

#### 15.8. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

a) Là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã.

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.

c) Chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên.

d) Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao.

đ) Ký văn bản của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

#### **Điều 16. Giám đốc Hợp tác xã**

1. Giám đốc là người điều hành hoạt động của Hợp tác xã.

2. Giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Phương án sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã.

b) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội thành viên, quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Ký kết hợp đồng kinh tế nhân danh Hợp tác xã theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

d) Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính hằng năm.

đ) Xây dựng phương án tổ chức bộ phận giúp việc, đơn vị trực thuộc của Hợp tác xã trình Hội đồng quản trị quyết định.

e) Tuyển dụng, ký hợp đồng lao động theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

f) Ký kết hợp đồng dịch vụ giữa Hợp tác xã với thành viên và khách hàng không phải là thành viên bao gồm nghĩa vụ cung ứng và sử dụng sản phẩm, dịch vụ; giá và phương thức thanh toán sản phẩm, dịch vụ.

g) Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ, quy chế của Hợp tác xã.

3. Trường hợp Giám đốc do Hợp tác xã thuê thì ngoài việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này còn phải thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo Hợp đồng lao động và có thể được mời tham gia cuộc họp Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

### **Điều 17. Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên hoạt động độc lập, kiểm tra và giám sát hoạt động của Hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Kiểm soát viên (số lượng: 01 người) do Đại hội thành viên bầu trực tiếp trong số thành viên theo thể thức bỏ phiếu kín.

3. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và có quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

b) Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị và Quy chế của Hợp tác xã.

c) Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội thành viên, Quy chế của Hợp tác xã.

d) Kiểm tra hoạt động tài chính, việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ, tài sản, vốn vay của Hợp tác xã và các khoản hỗ trợ của Nhà nước.

đ) Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm của Hội đồng quản trị trước khi trình Đại hội thành viên.

e) Tiếp nhận kiến nghị liên quan đến Hợp tác xã; giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên giải quyết theo thẩm quyền.

g) Kiểm soát viên được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không được quyền biểu quyết.

h) Thông báo cho Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội thành viên về kết quả kiểm soát; kiến nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc khắc phục những yếu kém, vi phạm trong hoạt động của Hợp tác xã.

i) Yêu cầu cung cấp tài liệu, sổ sách, chứng từ và những thông tin cần thiết để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát nhưng không được sử dụng các tài liệu, thông tin đó vào mục đích khác.

k) Chuẩn bị chương trình và triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định tại khoản 4.3, Điều 14 bản Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên hợp tác xã phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Là thành viên hợp tác xã.

b) Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Hợp tác xã và không phải là cha, mẹ đẻ; cha, mẹ nuôi; vợ, chồng; con, con nuôi; anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị.

6. Kiểm soát viên được hưởng thù lao và được trả các chi phí cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

7. Kiểm soát viên được sử dụng con dấu của Hợp tác xã để thực hiện nhiệm vụ của mình.

**Điều 18. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên hoặc Giám đốc Hợp tác xã**

1. Đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh.

2. Đã bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm sở hữu, các tội phạm về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

3. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 19. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng các chức danh quản lý Hợp tác xã**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng nếu thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

b) Tự nguyện xin từ chức.

c) Bị Tòa án tuyên án hình phạt tù hoặc bị cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề liên quan đến Hợp tác xã.

d) Trường hợp khác theo quy định trong hợp đồng lao động ký kết giữa Hợp tác xã với Giám đốc.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động phải chịu trách nhiệm đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ đó.

## **Chương IV**

### **TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỢP TÁC XÃ**

**Điều 20. Vốn Điều lệ của Hợp tác xã**

Vốn Điều lệ của Hợp tác xã là tổng số vốn góp của thành viên.

Vốn Điều lệ Hợp tác xã xác định tại thời điểm Đại hội thành viên ngày 26 tháng 04 năm 2024 là: **888.000.000 đồng Việt Nam**

Bằng chữ: **Tám trăm tám mươi tám triệu đồng chẵn**

1. Vốn điều lệ của Hợp tác xã tăng trong trường hợp Đại hội thành viên quyết định tăng mức vốn góp tối thiểu hoặc huy động thêm vốn góp của thành viên hoặc kết nạp thành viên mới.

2. Vốn điều lệ của hợp tác xã giảm khi Hợp tác xã trả lại vốn góp cho thành viên.

3. Khi có thay đổi vốn điều lệ thì Hợp tác xã phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh về vốn điều lệ.

### **Điều 21. Góp vốn điều lệ và giấy chứng nhận vốn góp**

1. Mức vốn góp tối thiểu, tối đa của thành viên.

a) Vốn góp tối thiểu của 01 thành viên Hợp tác xã là: **50.000.000 đồng Việt Nam**

Bằng chữ: *Năm mươi triệu đồng chẵn.*

b) Mức vốn góp tối đa của một thành viên không vượt quá 20% vốn điều lệ của Hợp tác xã tại thời điểm góp vốn.

2. Hình thức góp vốn của thành viên.

Vốn góp có thể bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ, tài sản, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ và các loại giấy tờ có giá khác:

a) Trường hợp vốn góp bằng ngoại tệ thì giá trị vốn góp phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm góp vốn.

b) Trường hợp góp vốn bằng tài sản, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ và các loại giấy tờ có giá khác thì phải quy ra tiền Việt Nam và thực hiện theo các điều kiện cụ thể được quy định trong Điều lệ. Việc xác định giá trị vốn góp trong các trường hợp này do Hội đồng quản trị và người góp vốn thoả thuận phù hợp với giá cả thị trường tại thời điểm góp vốn. Trường hợp cần thiết có thể thành lập Ban định giá của Hợp tác xã, thành viên Ban định giá gồm đại diện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và thành viên để đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch.

Tài sản, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ và các loại giấy tờ có giá khác đem góp vốn là tài sản chung của Hợp tác xã.

c) Trường hợp góp vốn bằng tiền công lao động thì giá trị vốn góp được tính bằng tổng số tiền công của người lao động được Hợp tác xã trả mà người lao động đó chưa nhận tính đến thời điểm góp vốn.

3. Thời hạn góp đủ vốn không vượt quá 06 tháng kể từ ngày được kết nạp.

4. Khi góp đủ vốn, thành viên được hợp tác xã cấp giấy chứng nhận vốn góp.

5. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thay đổi, thu hồi giấy chứng nhận vốn góp do Hội đồng quản trị hợp tác xã quy định.

### **Điều 22. Trả lại, thừa kế vốn góp**

1. Hợp tác xã trả lại vốn góp cho thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên hoặc trả lại phần vốn vượt quá mức vốn góp tối đa khi vốn góp của thành viên vượt quá mức vốn tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 21 bản Điều lệ này.

1.1. Trình tự trả lại vốn góp:

Việc trả lại vốn góp cho thành viên chỉ được thực hiện sau khi Hợp tác xã đã quyết toán thuế của năm tài chính và bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của Hợp tác xã.

Thành viên chỉ được trả lại vốn góp sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Hợp tác xã như: Hoàn trả các khoản nợ Hợp tác xã, các khoản phí và các khoản nợ phải trả khác; các tổn thất phải bồi thường do phải chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm; chịu một phần các khoản lỗ sản xuất, kinh doanh, các khoản rủi ro khác trong hoạt động của Hợp tác xã.

1.2. Hình thức trả lại vốn góp của thành viên: Trả lại vốn góp bằng tiền, bằng hiện vật hoặc bằng cả tiền và cả hiện vật.

1.3. Thời hạn trả lại vốn góp của thành viên là 30 ngày (sau khi quyết toán tài chính năm).

1.4. Cá nhân hoặc tập thể quyết định việc trả lại vốn góp cho thành viên không đúng quy định tại khoản này phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho hợp tác xã.

2. Trường hợp thành viên là cá nhân chết thì người thừa kế nếu đáp ứng đủ điều kiện của Điều lệ, tự nguyện tham gia Hợp tác xã thì trở thành thành viên và tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên; nếu không tham gia hợp tác xã thì được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Trường hợp thành viên là cá nhân bị Tòa án tuyên bố mất tích, việc trả lại vốn góp và quản lý tài sản của người mất tích được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp thành viên là cá nhân bị Tòa án tuyên bố bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì vốn góp được trả lại thông qua người giám hộ.

4. Trường hợp thành viên là pháp nhân bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản thì việc trả lại, kế thừa vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp vốn góp của thành viên là cá nhân không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì vốn góp được giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp người thừa kế tự nguyện để lại tài sản thừa kế cho Hợp tác xã thì vốn góp đó được đưa vào tài sản không chia của Hợp tác xã.

### **Điều 23. Huy động vốn và các khoản trợ cấp, hỗ trợ**

1. Hợp tác xã ưu tiên huy động vốn từ thành viên để đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở thỏa thuận với thành viên.

Trường hợp huy động vốn từ thành viên chưa đáp ứng đủ nhu cầu thì Hợp tác xã huy động vốn từ các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều lệ hợp tác xã quy định về phương thức huy động vốn của hợp tác xã như sau:

a) Vay vốn của các tổ chức tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Vay vốn của thành viên theo hình thức tín dụng được thực hiện theo quy định của thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tín dụng nội bộ hợp tác xã.

c) Quyền và nghĩa vụ của thành viên đối với từng phương thức huy động vốn như quyền lợi của việc vay vốn, cùng chịu trách nhiệm hoàn trả vốn, chia sẻ rủi ro .v.v. . .

3. Hợp tác xã tiếp nhận các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Việc quản lý các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước được thực hiện như sau:

a) Khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước được tính vào tài sản không chia của Hợp tác xã.

b) Khoản hỗ trợ của Nhà nước phải hoàn lại được tính vào số nợ của Hợp tác xã.

5. Việc quản lý, sử dụng các khoản trợ cấp, hỗ trợ có yếu tố nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

#### **Điều 24. Nguyên tắc trả công**

Điều lệ Hợp tác xã quy định về nguyên tắc trả công đối với từng loại công việc như:

Trả công theo ngày: 250.000đ - 350.000đ/ngày (tùy theo thị trường)

Trả công đối với các chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị, giám đốc HTX là: 10.000.000đ/tháng,

Cán bộ chuyên môn, kế toán HTX trả lương theo thỏa thuận.

Lao động khác của hợp tác xã theo thỏa thuận giữa hai bên HTX và người lao động.

#### **Điều 25. Quản lý và sử dụng các quỹ của Hợp tác xã**

Điều lệ hợp tác xã quy định mục đích, phương thức quản lý và sử dụng đối với từng quỹ được quyết định thành lập như:

Quỹ đầu tư phát triển: 20%

Quỹ Dự phòng: 5%

Quỹ phúc lợi: 2%

Quỹ khen thưởng: 5%

Quỹ khác: 6%

Mở sổ sách kế toán, theo dõi các khoản thu - chi theo quy định, hàng quý báo cáo tình hình thu - chi cho Hội đồng quản trị. Giám đốc HTX chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về các quyết định thu - chi của HTX.

Quy chế công khai thu, chi, việc thanh quyết toán quỹ. v.v...

Hàng năm, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội thành viên về việc quản lý, sử dụng các quỹ và phương hướng sử dụng các quỹ của Hợp tác xã trong năm tiếp theo.

**Điều 26. Thể thức quản lý, sử dụng, bảo toàn và xử lý tài sản chung, vốn tích lũy của Hợp tác xã**



1. Tài sản của Hợp tác xã được hình thành từ nguồn sau đây:
  - a) Vốn góp của thành viên.
  - b) Vốn huy động của thành viên và vốn huy động khác.
  - c) Vốn, tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động của hợp tác xã.
  - d) Khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước và khoản được tặng, cho khác.
2. Tài sản không chia của Hợp tác xã bao gồm:
  - a) Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất.
  - b) Khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước; khoản được tặng, chữ theo thỏa thuận là tài sản không chia.
  - c) Phần trích lại từ quỹ đầu tư phát triển hằng năm được đại hội thành viên quyết định đưa vào tài sản không chia.
  - d) Vốn, tài sản khác được điều lệ quy định là tài sản không chia.
3. Việc quản lý, sử dụng tài sản của hợp tác xã được thực hiện theo quy định của Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Hợp tác xã, Nghị quyết Đại hội thành viên và các quy định của pháp luật có liên quan.
4. Xử lý tài sản và vốn của Hợp tác xã khi giải thể, phá sản:
  - 4.1. Trình tự xử lý vốn, tài sản của Hợp tác xã:
    - a) Thu hồi các tài sản của Hợp tác xã.
    - b) Thanh lý tài sản, trừ phần tài sản không chia.
    - c) Thanh toán các khoản nợ phải trả và thực hiện nghĩa vụ tài chính của Hợp tác xã.
  - 4.2. Xử lý tài sản còn lại, trừ tài sản không chia được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau đây:
    - a) Thanh toán chi phí giải thể, bao gồm cả khoản chi cho việc thu hồi và thanh lý tài sản.
    - b) Thanh toán nợ lương, trợ cấp và bảo hiểm xã hội của người lao động.
    - c) Thanh toán các khoản nợ có bảo đảm theo quy định của pháp luật.
    - d) Thanh toán các khoản nợ không bảo đảm.
    - đ) Giá trị tài sản còn lại được hoàn trả cho thành viên theo tỷ lệ vốn góp trên tổng số vốn điều lệ.
  - 4.3. Việc xử lý tài sản thực hiện theo thứ tự ưu tiên được quy định tại khoản 4.2 Điều này. Trường hợp giá trị tài sản còn lại không đủ để thanh toán các khoản nợ thuộc cùng một hàng ưu tiên thanh toán thì thực hiện thanh toán một phần theo tỷ lệ tương ứng với các khoản nợ phải chi trả trong hàng ưu tiên đó.
  - 4.4. Tài sản không chia của Hợp tác xã khi Hợp tác xã giải thể, phá sản được xử lý như sau:
    - a) Phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước thì chuyển vào ngân sách địa phương cùng cấp với cơ quan đăng ký Hợp tác xã.

b) Phần giá trị tài sản được hình thành từ quỹ đầu tư phát triển hàng năm đã được Đại hội thành viên quyết định đưa vào tài sản không chia khi chấm dứt tư cách thành viên; khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia; vốn, tài sản khác được Điều lệ quy định là tài sản không chia khi chấm dứt tư cách thành viên thì Đại hội thành viên quyết định phương án xử lý thích hợp.

c) Phần giá trị tài sản được hình thành từ quỹ đầu tư phát triển hàng năm đã được Đại hội thành viên quyết định đưa vào tài sản không chia khi Hợp tác xã, chấm dứt hoạt động; khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia; vốn, tài sản khác được điều lệ quy định là tài sản không chia khi Hợp tác xã chấm dứt hoạt động thì Đại hội thành viên quyết định chuyển giao cho chính quyền địa phương hoặc một tổ chức khác nằm trên địa bàn nhằm mục tiêu phục vụ lợi ích cộng đồng dân cư tại địa bàn.

d) Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai.

5. Trường hợp giải thể, phá sản mà vốn, tài sản của Hợp tác xã không đủ để thanh toán các khoản nợ thì Hợp tác xã được sử dụng tài sản không chia theo thứ tự sau đây để thanh toán các khoản nợ:

a) Khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia.

b) Phần trích từ quỹ đầu tư phát triển hàng năm được Đại hội thành viên quyết định đưa vào tài sản không chia.

c) Vốn, tài sản khác được Điều lệ quy định là tài sản không chia.

#### **Điều 27. Xử lý các khoản lỗ, khoản nợ của Hợp tác xã**

1. Kết thúc năm tài chính, nếu phát sinh lỗ thì Hợp tác xã phải xử lý giảm lỗ theo quy định của pháp luật. Trường hợp đã xử lý giảm lỗ nhưng vẫn không đủ thì sử dụng quỹ dự phòng tài chính để bù đắp; nếu vẫn chưa đủ thì khoản lỗ còn lại được chuyển sang năm sau; khoản lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế. Thời gian được chuyển các khoản lỗ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Các khoản nợ của Hợp tác xã được xử lý theo quy định của pháp luật và Điều 26 bản Điều lệ này.

### **Chương V**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 28. Xử lý vi phạm Điều lệ Hợp tác xã và nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Nguyên tắc xử lý vi phạm Điều lệ Hợp tác xã.

Điều lệ Hợp tác xã quy định cụ thể thành viên vi phạm Điều lệ Hợp tác xã thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hợp tác xã, nếu gây thiệt hại tài sản thì phải bồi thường.

2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ :

a) Các tranh chấp kinh doanh, thương mại, lao động v.v . . . phát sinh trong nội bộ Hợp tác xã được giải quyết trên cơ sở hoà giải giữa thành viên với nhau và giữa thành viên với Hợp tác xã theo nguyên tắc bình đẳng, hợp tác; trường hợp không giải quyết được thì trình Đại hội thành viên xem xét quyết định.

b) Trường hợp Đại hội thành viên không giải quyết được tranh chấp thì đề nghị toà án nhân dân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đó.

**Điều 29. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hợp tác xã**

1. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hợp tác xã áp dụng tại khoản 5 Điều 14 bản Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hợp tác xã trình Đại hội thành viên quyết định.

3. Sau khi biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hợp tác xã, Hợp tác xã phải gửi Điều lệ đã sửa đổi, bổ sung kèm theo Nghị quyết của Đại hội thành viên đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Hợp tác xã.

**Điều 30. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ Hợp tác xã 3-2 được Đại hội thành viên Hợp tác xã thông qua ngày tháng 04 năm 2024. và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã.

2. Hội đồng quản trị Hợp tác xã xây dựng quy chế, nội quy về quản lý sử dụng tài sản của Hợp tác xã; sử dụng lao động; khen thưởng; xử lý vi phạm trong Hợp tác xã; chế độ làm việc của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã và các chức danh khác trong Hợp tác xã.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hợp tác xã Tiên Đạt phải thông qua Đại hội thành viên.

4. Tất cả các thành viên Hợp tác xã Tiên Đạt có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Hợp tác xã.

5. Điều lệ Hợp tác xã Tiên Đạt là văn bản pháp lý của Hợp tác xã được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh và toàn thể thành viên Hợp tác xã.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**



**Lê Xuân Sang**